

Số: 148/2026/CEN

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Mạnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

2 - 3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

5 - 6

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 15/7/2026 do thay đổi địa chỉ theo địa giới hành chính mới của Công ty.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 15/7/2026, Vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEN.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện tiếp tục duy trì hạn chế giao dịch theo Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 24/3/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/6/2026)
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2026)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Bình	Giám đốc
-----------------	----------

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Trần Mạnh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Số: 148/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã nhận chuyển nhượng Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ ngày 16/09/2021 với giá trị 68,38 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai để sang tên cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam do chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa vào khai thác, vận hành. Bằng các tài liệu thu thập được, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.9 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Ô tô Điện Cencon (nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần ô tô Trường Thanh) số tiền 50,4 tỷ đồng đã có xác nhận của bên nhận vốn góp, tuy nhiên với các tài liệu thu thập được, chúng tôi không thể đánh giá được tính phù hợp của khoản đầu tư này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30/6/2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		104.414.750.421	101.508.783.613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.740.731.099	20.460.902.445
1. Tiền	111		8.740.731.099	20.460.902.445
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.108.887.672	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2	4.108.887.672	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.297.956.199	5.594.895.498
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	6.267.924.711	4.416.895.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.030.031.488	1.178.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	15.000.000.000	-
IV. Hàng tồn kho	140		67.220.120.972	75.452.985.670
1. Hàng tồn kho	141	5.6	67.220.120.972	75.452.985.670
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		47.054.479	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		47.054.479	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)	200		118.902.398.183	118.987.374.485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		120.898.183	205.874.485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	120.898.183	205.874.485
- Nguyên giá	222		914.861.091	914.861.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(793.962.908)	(708.986.606)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		68.381.500.000	68.381.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.8	68.381.500.000	68.381.500.000
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		50.400.000.000	50.400.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	262	5.9	50.400.000.000	50.400.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		223.317.148.604	220.496.158.098

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30/6/2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.175.458.256	1.584.424.045
I. Nợ ngắn hạn	310		4.175.458.256	1.584.424.045
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.135.633.229	166.658.893
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	894.865.016	846.150.365
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.12	63.914.117	500.449.916
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.13	70.000.000	71.164.871
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14	11.045.894	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	219.141.690.348	218.911.734.053
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		217.124.400.000	217.124.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		217.124.400.000	217.124.400.000
2. Thặng dư vốn	412		(1.769.180.000)	(1.769.180.000)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.786.470.348	3.556.514.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		3.556.514.053	3.325.736.071
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		229.956.295	230.777.982
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		223.317.148.604	220.496.158.098

Người lập

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi



Đỗ Thị Thanh Xuân



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	20.398.592.216	37.265.656.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		20.398.592.216	37.265.656.079
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	18.940.374.443	35.204.200.358
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.458.217.773	2.061.455.721
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	149.509.956	925.234
8. Chi phí tài chính	23	6.4	-	19.920.772
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	12.902.054
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	298.881.894	743.610.746
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.013.086.967	1.257.123.291
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		295.758.868	41.726.146
12. Thu nhập khác	31	6.6	-	19.481.881
13. Chi phí khác	32	6.6	4.250.799	151.649
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(4.250.799)	19.330.232
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		291.508.069	61.056.378
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	61.551.774	14.641.605
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		229.956.295	46.414.773
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	11	2

Người lập

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Ninh Chi



Đỗ Thị Thanh Xuân



Trần Mạnh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		291.508.069	61.056.378
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		84.976.302	128.467.656
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(148.058.905)	(20.407.115)
- Chi phí đi vay	06		-	12.902.054
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		228.425.466	182.018.973
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.750.115.180)	816.664.110
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.232.864.698	(8.969.452.264)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.597.919.936	6.684.940.545
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		-	19.150.001
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	(12.902.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(64.186.700)	(198.860.224)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.250.799)	(151.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.759.342.579)	(1.478.592.562)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	1.218.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.171.233	925.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.960.828.767)	1.219.107.052
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(966.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(966.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.720.171.346)	(1.225.485.510)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	20.460.902.445	4.293.347.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.740.731.099	3.067.862.372

Người lập

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2026
Chủ tịch HĐQT

Phạm Thị Ninh Chi

Đỗ Thị Thanh Xuân

Trần Mạnh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 15/7/2026 do thay đổi địa chỉ theo địa giới hành chính mới của Công ty.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: CENCON., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 ngày 15/7/2026, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEN.

Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện tiếp tục duy trì hạn chế giao dịch Quyết định số 215/QĐ-SGDHN ngày 24/3/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B, đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là: 8 người (tại ngày 31/12/2025 là: 8 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quảng cáo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa; Chi tiết: Đại lý.
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Điều hành tua du lịch;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Chi tiết: Không bao gồm các sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người và dược phẩm);
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ;
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan; Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán đá quý tái phục hồi và nhân tạo, làm kim cương;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá);
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Chi tiết: Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng);
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim loại quý khác và đá quý, đá bán quý, đá phong thủy;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá);
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu; Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản;
- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phụ vụ lâm nghiệp;
- Hoạt động thầu khoán các công việc lâm nghiệp (đào hố, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy lâm nghiệp có cả người điều khiển...);
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động thực vật rừng;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Trồng cây hàng năm khác; Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Chi tiết: Khách sạn.
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;
- Cơ sở lưu trú khác; Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên.
- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dừng để nghỉ tạm;
- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo);
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh thực phẩm đông lạnh...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

Các nội dung ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty có hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn (kinh doanh vàng, đá quý). Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2026 không phát sinh việc mua bán hàng kim hoàn và toàn bộ lượng hàng này vẫn đang được lưu kho của Công ty.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	48,00%	48,00%

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên doanh, liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao
(Số năm)

Thiết bị văn phòng 05

Phương tiện vận tải 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí đi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, hàng hóa trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hàng hóa đông lạnh và hàng kim hoàn... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	2.151.436.526	1.437.914.609
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	6.589.294.573	19.022.987.836
Cộng	8.740.731.099	20.460.902.445

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	6.514.327.322	18.946.531.573
Các Ngân hàng khác	74.967.251	76.456.263
Cộng	6.589.294.573	19.022.987.836

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	4.108.887.672	4.108.887.672	-	-	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (i)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-	-
<i>Lãi dự thu</i>	<i>108.887.672</i>	<i>108.887.672</i>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (i)	108.887.672	108.887.672	-	-	-	-
Cộng	4.108.887.672	4.108.887.672	-	-	-	-

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng với lãi suất 7,2%/năm.

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	6.267.924.711	-	4.416.895.498	-
Công ty TNHH Cocomy Việt Nam	549.951.292	-	240.927.950	-
Công ty TNHH Halo Foods	415.302.536	-	666.070.557	-
Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam - Korea	339.032.542	-	626.137.490	-
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	3.512.170.468	-	1.521.781.643	-
Các đối tượng khác	1.451.467.873	-	1.361.977.858	-
Cộng	6.267.924.711	-	4.416.895.498	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
 tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	3.030.031.488	-	1.178.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm quốc tế Vimex Việt Nam	31.488	-	900.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Nguyên Phát Đạt	-	-	218.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Beebee	2.970.000.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	60.000.000	-	60.000.000	-
Cộng	3.030.031.488	-	1.178.000.000	-

5.5 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác:	15.000.000.000	-	-	-
+ Tạm ứng (*)	15.000.000.000	-	-	-
Cộng	15.000.000.000	-	-	-

(*) Khoản tạm ứng theo Tờ trình ngày 05/4/2026 của Bà Nguyễn Thị Thanh Phòng kinh doanh Công ty để phối hợp với các bên đối tác thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá xúc tiến công tác hoàn thành thủ tục bàn giao chuyển nhượng Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng. Tuy nhiên, chưa triển khai được các công việc tiếp theo, nên sang tháng 07/2026 cá nhân đã hoàn lại khoản tiền nhận tạm ứng bằng tiền cho Công ty.

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	67.220.120.972	-	75.452.985.670	-
Hàng đông lạnh	10.086.633.625	-	18.319.498.323	-
Hàng kim hoàn	57.109.301.347	-	57.109.301.347	-
Hàng phong thủy	24.186.000	-	24.186.000	-
Cộng	67.220.120.972	-	75.452.985.670	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	866.715.636	48.145.455	914.861.091
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/06/2026	866.715.636	48.145.455	914.861.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	660.841.151	48.145.455	708.986.606
Khấu hao trong kỳ	84.976.302	-	84.976.302
Số dư tại 30/06/2026	745.817.453	48.145.455	793.962.908
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2026	205.874.485	-	205.874.485
Tại 30/06/2026	120.898.183	-	120.898.183

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là: 48.145.455 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 48.145.455 VND).

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn						
Xe ô tô tải Ford Ranger 29H-430.53	560.715.636	553.932.774	6.782.862	560.715.636	507.206.472	53.509.164
Xe Xpander BKS 24A- 28891	306.000.000	191.884.679	114.115.321	306.000.000	153.634.679	152.365.321

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	68.381.500.000	-	68.381.500.000	-
Cộng	68.381.500.000	-	68.381.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)

(*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 10.232 m² với quy mô: Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông... nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 1609/2021/CNTS-CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ-HDQT ngày 16/9/2021.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Dự án giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được văn phòng công chứng Lê Thu Hằng tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/7/2023 và hoàn thành các thủ tục thanh toán tiền chuyển nhượng. Hiện tại, hồ sơ nhận chuyển nhượng đã nộp tới Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai do Công trình chưa đủ điều kiện để xem xét chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định. Hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng Dự án.

Ngày 22/5/2026 Ban quản lý khu kinh tế đã thành lập đoàn giám sát, đánh giá đầu tư theo QĐ số 34/QĐ-BQL ngày 08/4/2026 và đã có Biên bản kiểm tra, giám sát giá đầu tư Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng để đưa ra đề xuất kiến nghị bên bán là Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai đề nghị UBND tỉnh Lào Cai, Ban quản lý Khu kinh tế và các Sở, Ngành tạo điều kiện để bên mua là Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam tiếp tục thực hiện Dự án. Đến ngày 30/7/2026, Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai đã gửi Công văn số 307/2026/CV-DHLC cho Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai đề nghị Sở Xây dựng xem xét và hướng dẫn hoàn thành công tác nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng, tránh lãng phí tài sản, nguồn lực của nhà đầu tư và góp phần tăng thu ngân sách cho tỉnh.

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ			30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
Đầu tư vào Công ty liên kết	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi dự phòng	Giá trị	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi dự phòng	Giá trị
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh	48,00%	48,00%	50.400.000.000			50.400.000.000		
Cộng			50.400.000.000			50.400.000.000		

Chi tiết về đơn vị nhận vốn góp đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty CP Ô tô Trường Thanh	Thôn Nam Giang, xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh, vốn chủ sở hữu của Công ty là 105.154.034.609 VND. Trong năm, Công ty chưa có những hoạt động cụ thể để sử dụng và mang lại thu nhập từ số vốn đã góp, Với các thông tin hiện có, Ban Điều hành Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản đầu tư nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	3.135.633.229	166.658.893
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Tân Việt tại Hà Nội	1.453.965.040	-
Công ty TNHH Thực phẩm chất lượng Canada	157.600.956	157.600.956
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	642.277.128	-
Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thực phẩm xanh	491.535.400	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Vương	367.626.825	-
Các đối tượng khác	22.627.880	9.057.937
Cộng	3.135.633.229	166.658.893

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	894.865.016	846.150.365
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Lê	-	413.280.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Stars	676.947.548	192.400.079
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sông Hồng Thăng Long	165.510.640	-
Các khách hàng khác	52.406.828	240.470.286
Cộng	894.865.016	846.150.365

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2026 VND
Phải nộp	500.449.916	83.495.770	520.031.569	63.914.117
Ngắn hạn	500.449.916	83.495.770	520.031.569	63.914.117
Thuế giá trị gia tăng	395.798.960	14.786.636	410.585.596	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.186.700	61.551.774	64.186.700	61.551.774
Thuế thu nhập cá nhân	40.464.256	7.157.360	45.259.273	2.362.343

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	70.000.000	71.164.871
Chi phí dịch vụ phải trả	70.000.000	71.164.871
Cộng	70.000.000	71.164.871

5.14 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	11.045.894	-
Phải trả khác	11.045.894	-
Phải trả cá nhân	11.045.894	-
Cộng	11.045.894	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Lãi trong năm trước	-	-	230.777.982	230.777.982
Số dư tại 01/01/2026	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.556.514.053	218.911.734.053
Lãi trong kỳ này	-	-	229.956.295	229.956.295
Số dư tại 30/06/2026	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.786.470.348	219.141.690.348

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Vốn góp của các Cổ đông	217.124.400.000	217.124.400.000
Cộng	217.124.400.000	217.124.400.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	217.124.400.000	217.124.400.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	217.124.400.000	217.124.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

Khoản mục	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.712.440	21.712.440
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông	21.712.440	21.712.440
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa thực phẩm	20.398.592.216	37.265.656.079
Cộng	20.398.592.216	37.265.656.079

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Giá vốn bán hàng hóa thực phẩm	18.940.374.443	35.204.200.358
Cộng	18.940.374.443	35.204.200.358

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.451.051	925.234
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	148.058.905	-
Cộng	149.509.956	925.234

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí lãi vay	-	12.902.054
Phí ngân hàng do trả gốc vay trước hạn	-	7.018.718
Cộng	-	19.920.772

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
 tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí bán hàng	298.881.894	743.610.746
Chi phí nhân viên bán hàng	252.257.475	302.623.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.624.419	440.987.403
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.013.086.967	1.257.123.291
Chi phí nhân viên quản lý	811.222.264	973.411.324
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.285.000	5.496.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	84.976.302	128.467.656
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.151.437	126.178.248
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.451.964	20.570.063
Cộng	1.311.968.861	2.000.734.037

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	-	19.481.881
Lãi thanh lý tài sản	-	19.481.881
Cộng	-	19.481.881
Chi phí khác	4.250.799	151.649
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	4.250.799	151.649
Cộng	4.250.799	151.649
Lợi nhuận khác	(4.250.799)	19.330.232

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	291.508.069	61.056.378
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	16.250.799	12.151.649
Các khoản phạt hành chính, phạt chậm nộp	4.250.799	151.649
Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách	12.000.000	12.000.000
Thu nhập chịu thuế	307.758.868	73.208.027
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.551.774	14.641.605

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	229.956.295	46.414.773
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý điều hành công ty (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	229.956.295	46.414.773
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	21.712.440	21.712.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	11	2

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.285.000	5.496.000
Chi phí nhân công	1.063.479.739	1.276.034.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.976.302	128.467.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.775.856	567.165.651
Chi phí khác bằng tiền	11.451.964	23.570.063
Cộng	1.311.968.861	2.000.734.037

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Ngô Thượng Hưng (Miễn nhiệm ngày 30/6/2026)	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Ngọc Sơn (Bổ nhiệm ngày 30/6/2026)	Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thanh	Công ty liên kết
Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các Bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
Họ tên	Chức vụ	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT độc lập, người CBTT	6.000.000	6.000.000
Tổng		6.000.000	6.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000	3.000.000
Ông Ngô Thượng Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/6/2026)	3.000.000	3.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 30/6/2026)	-	-
Tổng		6.000.000	6.000.000
Tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	170.329.351	204.144.936
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	162.832.826	192.546.904
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	85.080.000	121.583.581
Cộng		418.242.177	518.275.421

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty phân chia hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh hàng thực phẩm đông lạnh, và hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn để lập báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	37.265.656.079	37.265.656.079
Chi phí bộ phận	-	35.204.200.358	35.204.200.358
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	2.061.455.721	2.061.455.721
Chi phí bộ phận không thể phân bổ			2.000.734.037
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			60.721.684
Doanh thu hoạt động tài chính			925.234
Chi phí tài chính			19.920.772
Thu nhập khác			19.481.881
Chi phí khác			151.649
Thuế TNDN hiện hành			14.641.605
Lợi nhuận sau thuế			46.414.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn	Hoạt động kinh doanh hàng hóa thực phẩm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	20.398.592.216	20.398.592.216
Chi phí bộ phận	-	18.940.374.443	18.940.374.443
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	1.458.217.773	1.458.217.773
Chi phí bộ phận không thể phân bổ			1.311.968.861
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			146.248.912
Doanh thu hoạt động tài chính			149.509.956
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			4.250.799
Thuế TNDN hiện hành			61.551.774
Lợi nhuận sau thuế			229.956.295

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Thị Ninh Chi

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Trần Mạnh Sơn